

Bản án số: 67/2022/DS-PT

Ngày 24 tháng 01 năm 2022

“V/v Đòi lại tài sản là giá trị quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 495/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 về “Đòi lại tài sản là giá trị quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2986/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tran Cindy – Th, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: 1022 P, CA 95035, USA (Hoa Kỳ).

Địa chỉ tạm trú: Khu phố X, phường Đô V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hứa Thanh K, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Số Y Hàm N, phường Phước M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Mẫn Ng, sinh năm 1988 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Phước S, huyện Ninh P, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn K – Văn phòng Luật sư Ngọc K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà T đường Lê D, khu phố M, phường Phước M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người làm chứng:

1/ Ông Trần Đình Ng1, sinh năm 1974 (có mặt);

2/ Bà Lê Thị Th, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số E đường G, phường Phước M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn là bà Trần Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Tran Cindy Th và ông ông Hứa Thanh K là người đại diện theo ủy quyền của bà Tran Cindy Th trình bày:

Bà Tran Cindy-Th tên Việt Nam là Trần Thị Ch (sau đây gọi là bà Trần Thị Ch) có mối quan hệ với bà Trần Thị M là chị em ruột và với ông Trần Đình Ng1 là cháu ruột. Năm 2007, bà Ch từ Mỹ về Việt Nam thăm gia đình tại Ninh Thuận, do tuổi đã lớn và có nhu cầu về Việt Nam sinh sống khi già nên khi biết ông Trần Đình Ng1 và vợ là Lê Thị Th có ý định bán thửa đất số 132 (thuộc loại đất nông nghiệp), tờ bản đồ số 36 xã Phước S thì bà Ch đã liên hệ với ông Ng1 và bà Th để hỏi mua thửa đất này, mục đích là để xây nhà từ đường và để ở khi bà Ch về Việt Nam sinh sống. Do không đủ điều kiện để đứng tên nhận chuyển nhượng thửa 132 của ông Ng1 và cũng để thuận tiện cho việc làm thủ tục chuyển nhượng nên bà Ch đã nhờ bà M đứng tên hộ trong hợp đồng chuyển nhượng và trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) sau khi bà Ch nhận chuyển nhượng thửa 132 của ông Ng1. Việc bà Ch nhờ bà M đứng tên thì có bà Trần Thị K là chị gái của bà Ch và bà M cũng như các con của bà K là Trương Thị H, Trương Thị H1 và bản thân ông Trần Đình Ng1 và vợ Lê Thị Th cùng biết. Giá chuyển nhượng thửa 132 là 245.000.000đ, bà Ch là người trực tiếp giao tiền cho ông Trần Đình Ng1 và giao tại nhà ông Ng1, việc giao tiền này có bà K, bà M, bà H, bà H1 biết, bởi những người này đi cùng với bà Ch đến nhà ông Ng1 để giao tiền. Việc giao tiền giữa bà Ch và ông Ng1 không làm giấy tờ gì, sau K nhận đủ tiền của bà Ch giao cho thì phía ông Ng1 có giao cho bà Ch 01 GCNQSDĐ của thửa 132 mang tên ông Trần Đình Ng1 và cùng thời điểm đó, bà Ch đã giao lại giấy chứng nhận này cho bà M giữ.

Sau khi bà Ch về Mỹ, bà Ch có gọi điện cho ông Ng1 để ông Ng1 cùng với bà M làm các thủ tục chuyển nhượng để làm hồ sơ cấp GCNQSDĐ thửa 132 cho bà M, sau khi bà M được cấp GCNQSDĐ vào năm 2008 thì bà M có thông báo cho bà biết.

Khi bà Ch nhờ bà M đứng tên hộ trong hợp đồng chuyển nhượng thửa 132 với ông Ng1, bà Ch có hứa cho bà M 01 lô đất để bà M làm nhà ở và để sau này tiện trông coi từ đường khi bà Ch xây dựng. Đối với căn nhà bà M xây dựng trên thửa đất 132, bà M xây thời điểm nào bà Ch không nhớ, bà M có thông báo cho bà Ch về việc xây căn nhà này và bà Ch có gửi cho bà M 500 USD.

Đối với việc bà M đổ đất và cải tạo đất, bà M có thông báo cho bà Ch và bà Ch đồng ý cho bà M cải tạo cũng như đổ đất nâng nền, số tiền này bà Ch là người gửi tiền về cho bà M chi trả.

Năm 2018, bà Ch yêu cầu bà M hoàn trả cho bà diện tích 2.532m² đất thuộc thửa đất 132, tờ bản đồ 36 xã Phước S nhưng bà M không đồng ý vì bà M cho rằng bà M mới là người trực tiếp chuyển nhượng thửa 132 của ông Trần Đình Ng1 và đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Ninh P cấp GCNQSDĐ.

Nay, bà Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M phải trả lại cho bà 2.532m² đất thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ 36 xã Phước S.

Đối với việc định giá tài sản tranh chấp: Bà Ch không đồng ý với mức giá do Hội đồng định giá ngày 06/01/2021 đã đưa ra và đề nghị Hội đồng xét xử sử dụng giá trị chuyển nhượng đất thực tế đã được Công ty cổ phần thẩm định giá T thẩm định theo chứng thư thẩm định giá ngày 22/6/2021 là 1.881.532.800đ. Tại bản trình bày ngày 06/8/2020 và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu được nhận lại tài sản tranh chấp bằng tiền là 1.800.000.000đ trong tổng số giá trị tài sản là 2.623.414.500đ, không yêu cầu nhận hiện vật là đất.

Đối với căn nhà bà M xây dựng trên thửa 132 và số tiền bà Ch đưa cho bà M để đổ đất, nâng nền và xây nhà thì bà Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Nguyên đơn đồng ý chịu toàn bộ chi phí thuê công ty thẩm định giá T, riêng đối với chi phí định giá của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn – bà Trần Thị M và ông Trần Mẫn Ng là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M trình bày:

Bà M xác định thửa đất 132, tờ bản đồ số 36 xã Phước S là do bà M trực tiếp nhận chuyển nhượng của ông Trần Đình Ng1 năm 2007, giá chuyển nhượng là 40.000.000đ, hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại UBND xã Phước S, năm 2008 bà M được UBND huyện Ninh P cấp GCNQSDĐ thửa 132 mang tên Trần Thị M. Đối với việc trả 40.000.000đ tiền đất cho ông Ng1, bà M không có giấy tờ gì, bà M trực tiếp giao tiền cho ông Ng1 tại nhà bà M, giao một lần, thời gian là vào buổi trưa, không có ai làm chứng về việc giao tiền giữa bà M và ông Ng1, bà M xác định: Sau khi hai bên thống nhất giá chuyển nhượng là 40.000.000đ thì bà M không đặt cọc, sau khi ông Ng1 hoàn tất thủ tục sang tên từ ông Ng1 sang bà M và mang GCNQSDĐ này giao cho bà M thì bà M mới giao đủ 40.000.00đ cho ông Ng1. Năm 2007, bà M bắt đầu về

sinh sống trên thửa 132. Quá trình sinh sống, bà có đổ đất nâng nền, xây dựng 01 căn nhà cấp 4 vào năm 2013, bà M là người trực tiếp bỏ tiền ra để trả tiền công đổ đất và xây nhà, bà M xác định bà Ch không phải là người nhận chuyển nhượng thửa 132 của ông Trần Đình Ng1. Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ch.

Người làm chứng – ông Trần Đình Ng1 trình bày:

Ông Ng1 và bà Th xác định vào tháng 6/2007, vợ chồng ông đã trực tiếp chuyển nhượng thửa đất 132 cho bà Ch, giá chuyển nhượng là 245.000.000đ. Ông Ng1 xác định vợ, chồng ông không chuyển nhượng thửa 132 cho bà M cũng như không nhận 40.000.000đ của bà M.

Người làm chứng – bà Lê Thị Th trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông Trần Đình Ng1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 17/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ các điều 5, 26, 35, 37, 92, 165, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 165, 166, 186, 187 Bộ luật dân sự năm 2015; Án lệ số 02/AL/2016; Các điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Tran Cindy – Th (Trần Thị Ch).

Buộc bà Trần Thị M phải trả cho Bà Tran Cindy – Th (Trần Thị Ch) số tiền 1.434.207.250đ là giá trị quyền sử dụng thửa đất số 132, tờ bản đồ số 36 xã Phước S, huyện Ninh P, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Tran Cindy – Th (Trần Thị Ch) được quyền sở hữu số tiền 1.434.207.250đ do bà Trần Thị M hoàn trả.

Bà Trần Thị M được quyền sử dụng diện tích đất 2.532m² thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 36 xã Phước S, huyện Ninh P, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 120288 ngày 04/7/2008 do Ủy ban nhân dân huyện Ninh P cấp cho bà Trần Thị M.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá tài sản,

Ngày 28/9/2021, bị đơn là bà Trần Thị M cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hứa Thanh K trình bày: Trước đây bà Th đã nộp đơn khởi kiện bà M tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên, bà Th đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 23/10/2019. Ngày 05/11/2019 bà Th ủy quyền cho ông K thay mặt bà Th tham

gia tố tụng tại Tòa án các cấp nếu vụ án có kháng cáo, kháng nghị và tham gia giải quyết tại UBND xã Phước S và UBND có thẩm quyền giải quyết vụ kiện.

Trước khi đi nước ngoài bà Th có làm một đơn khởi kiện không đề ngày tháng và giao cho ông K, đến tháng 02/2020 ông K mới ghi thêm ngày vào đơn khởi kiện là ngày 03/02/2020 để nộp cho Tòa án, khi đó bà Th không có mặt ở Việt Nam. Ông K đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Trần Mẫn Ng trình bày:

Mẹ ông Ng1 là bà Trần Thị M có chồng là ông Trần Công S ly hôn năm 2011 là sau thời điểm nhận chuyển nhượng đất. Do đó ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Văn K trình bày:

Thứ nhất, bà Tran Cindy Th là người nước ngoài, đúng ra nếu muốn thực hiện các giao dịch phải đến Phòng Tư pháp để chứng thực chữ ký và lời khai tại cơ quan có thẩm quyền, nhưng bà Th đã không làm việc này nên đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Thứ hai, trong hồ sơ khởi kiện chỉ có duy nhất những bản photo một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Đình Ng1 và passport, giấy tờ tùy thân của bà Ch và những giấy gửi tiền về do nguyên đơn cung cấp còn hoàn toàn không có giấy tờ chứng minh cho rằng yêu cầu khởi kiện của mình là đúng, trong hồ sơ vụ án không có. Theo quy định tại khoản 5 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 các tài liệu chứng minh cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là có căn cứ nhưng không có.

Thứ ba, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý vụ án mà không thực hiện việc sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 193 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Tran Cidy Th cho rằng bà đã nhận chuyển nhượng đất từ vợ chồng ông Trần Đình Ng1 với giá chuyển nhượng 245.000.000 đồng nhưng không có bất cứ chứng cứ nào chứng minh giữa ông Trần Đình Ng1 và bà Th có giao dịch nhận chuyển nhượng, nguyên đơn không cung cấp được những chứng cứ này.

Thứ tư, sau đó Luật sư với tư cách người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn mới tạo ra các chứng cứ là lời trình bày của những người được cho là người làm chứng nộp cho Tòa. Những lời trình bày này hoàn toàn theo môtip, theo những câu từ và những ý giống nhau hết. Chúng tỏ rằng không phải lời khai của những người này trình bày mà được đánh máy tạo ra sẵn sau đó mới đưa ra cho những người đó ký vào.

Thứ năm, xem xét về quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào những lời trình bày của những người làm chứng để quyết định vấn đề cũng như là dựa vào Án lệ số 02 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định buộc bà Trần Thị M phải trả cho Bà Tran Cindy – Th số tiền hơn 1 tỷ đồng. Trong khi đó toàn bộ lời khai của những người làm chứng và nguyên đơn đều mâu thuẫn, bất nhất với nhau. Trong buổi hòa giải ngày

13/9/2021, toàn bộ những người này phủ nhận lời khai, chỉ nghe nói lại thôi chứ không biết. Do đó, lời khai không có giá trị.

Thứ sáu, ông Trần Đình Ng1 khai có làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà Th ký kết ở UBND xã nhưng hiện nay không còn giữ giấy tờ gì nữa. Trong biên bản ông thừa nhận rằng chữ ký của ông Ng1 và của vợ ông là đúng. Trong vụ án phía nguyên đơn không có một chứng cứ nào chứng minh rằng có giao dịch chuyển nhượng đó và không có giao dịch nào chứng minh rằng nhờ bà Trần Thị M đứng tên.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Ông Trần Đình Ng1 trình bày: Khu đất ông Trần Đình Ng1 chuyển nhượng có diện tích là 2.532m², nhưng đã có quyết định thu hồi 62m² đất trong khu đất này và ông Trần Đình Ng1 đã nhận quyết định thu hồi đất và nhận tiền bồi thường 62m² đất này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục ủy quyền nộp đơn khởi kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm không đúng quy định của pháp luật. Do bản án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng, tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Trần Thị M, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, của Luật sư và của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hứa Thanh K là đại diện cho Bà Tran Cindy – Th trình bày trước đây bà Th đã nộp đơn khởi kiện bà Trần Thị M tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên, bà Th đã rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã ra Quyết định đình chỉ vụ án số 17/2019/QĐST-DS ngày 23/10/2019. Ngày 05/11/2019, bà Th có lập Giấy ủy quyền số 3306/UQ-VPCCAK nội dung ủy quyền cho ông K được thay mặt bà Th tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp nếu vụ án có kháng cáo, kháng nghị và tham gia giải quyết tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Ông K xác định trước khi đi nước ngoài bà Th có làm một đơn khởi kiện không đề ngày tháng và giao cho ông K. Do quyết định đình chỉ vụ án nêu trên không có kháng cáo, kháng nghị, nên đến ngày 03/02/2020 ông K mới ghi thêm vào đơn khởi kiện do bà Th đã làm sẵn là ngày 03/02/2020 để nộp cho Tòa án, K đó bà Th đang ở Mỹ chứ không có mặt ở Việt Nam. Như vậy, theo nội dung

Giấy ủy quyền số 3306/UQ-VPCCA K ngày 05/11/2019 thì bà Th chỉ ủy quyền cho ông K được tham gia tố tụng đối với vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ theo Quyết định đình chỉ vụ án số 17/2019/QĐST-DS ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, chứ không phải ủy quyền tham gia tố tụng cho vụ án này. Do đó, thủ tục ủy quyền, nộp đơn khởi kiện và thụ lý vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm không đúng quy định của pháp luật, ông K không đủ điều kiện để tham gia tố tụng trong vụ án này.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Mẫn Ng là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M trình bày, bà M với ông Trần Công S là vợ chồng có đăng ký kết hôn và ly hôn năm 2011. Trong khi đó, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà M thực hiện vào năm 2007 là trong thời kỳ hôn nhân giữa bà M với ông S. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông S vào tham gia tố tụng trong vụ án này là thiếu sót.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ tại Tòa án cấp sơ thẩm và lời trình bày của chủ đất cũ là ông Trần Đình Ng1 thì khu đất ông Trần Đình Ng1 chuyển nhượng có diện tích là 2.532m², nhưng đã có quyết định thu hồi một phần diện tích đất trong khu đất này là 62m², ông Trần Đình Ng1 đã nhận tiền Nhà nước bồi thường 62m² đất này. Theo bản vẽ ngày 08/10/2019 thì diện tích đất còn lại là 2.449,5m². Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ vấn đề này mà vẫn tuyên giao cho bà Trần Thị M 2.532m² đất nêu trên theo diện tích đất khi chưa bị thu hồi là chưa đủ căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa thu thập đủ chứng cứ để làm căn cứ xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Người kháng cáo là bà Trần Thị M không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị M không phải chịu. Trả cho bà Trần Thị M 300.000 đồng

theo Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025956 ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Ninh Thuận; (1)
- VKSND tỉnh Ninh Thuận; (1)
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (1)
- Người làm chứng (2)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- NTTAM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh